

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017

V/v tranh chấp “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Trang
Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 20 tháng 07 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm: 1978; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: CWD 16, 1 T/v 8000 A C, Đan Mạch.

Địa chỉ tạm trú: 19 T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1987; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Võ Thị H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Quảng Nam vào ngày 15/6/2012, giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01. Sau khi kết hôn, sống chung với ba mẹ ruột của bà H tại Tổ 4, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ngôn ngữ và văn hóa. Từ tháng 12/2016 ông T đã dọn ra ở riêng tại số 19 T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy mâu thuẫn không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Võ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu W, sinh ngày 26/11/2011. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được quyền nuôi con chung. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu W tròn 18 tuổi và có khả năng tự lập về kinh tế.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà H thống nhất với trình bày của ông T về quá trình kết hôn, con chung và cuộc sống chung. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, không hạnh phúc, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2016. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà H đồng ý. Bà H thống nhất trực tiếp nuôi con chung và đồng ý số tiền cấp dưỡng của ông T là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu W trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc, cam đoan không có bất kỳ khiếu nại gì về nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T là người có quốc tịch Đan Mạch, khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Thị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của ông T và bà Võ Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng ngôn ngữ và văn hóa. Từ tháng 12/2016, ông T đã dọn ra ở riêng, sống ly thân với bà H. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai vợ chồng đều không có nguyện vọng hàn gắn gia đình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

[4] Về con chung: Giao cháu W, sinh ngày 26/11/2011 cho bà Võ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng) kể từ ngày 01/8/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông T. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Do ông T và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông T được ly hôn bà Võ Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu W, sinh ngày 26/11/2011 cho bà Võ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng) kể từ ngày 01/8/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000014 ngày 21/6/2017 của Cục thi hành án tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án Cấp cao tại Đà Nẵng để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam (cơ quan thực hiện ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Thị Huyền